

LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin pháp luật tháng 01/2021 gồm 4 phần chính:

- **Phần 1:** Các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có hiệu lực tháng 01/2021:

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.

b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật.

- **Phần 2:** Các dự thảo văn bản pháp luật của Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét có ý kiến.

- **Phần 3:** Các quy định của Tập đoàn ban hành trong tháng 12/2020.

Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

(Mọi ý kiến, thắc mắc xin vui lòng liên hệ: chị Nguyễn Thị Thanh Mai - chuyên viên Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra Tập đoàn, Tel: 091.3210371, Email: thanhmai@vnpt.vn)

Phần 1: Các VBPL quan trọng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có hiệu lực trong tháng 01/2021:

1. Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Bộ luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Bộ luật này có hiệu lực.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

* Bộ luật Lao động quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động.

* Đối tượng áp dụng đối với: Người lao động, người học nghề, người tập nghề và người làm việc không có quan hệ lao động; Người sử dụng lao động; Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

Những điểm mới của Luật này:

* Tăng tuổi nghỉ hưu lên 60 đối với nữ, 62 đối với nam

Cụ thể, theo Điều 169 Bộ luật Lao động 2019, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.

Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

Đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, còn người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Như vậy, từ năm 2021, cứ mỗi năm tuổi nghỉ hưu sẽ tăng thêm 03 tháng đối với giáo viên nam và 04 tháng đối với giáo viên nữ cho đến khi đủ 62 tuổi đối với nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với nữ vào năm 2035.

* Từ 01/01/2021, CBCCVC và NLĐ được nghỉ 02 ngày nghỉ Quốc Khánh (2/9)

Cụ thể, đối với việc tăng thêm một ngày nghỉ lễ trong năm, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Quốc hội chọn phương án tăng thêm ngày cận kề ngày Quốc khánh 2/9.

Như vậy, ngày Quốc khánh nước ta, người lao động sẽ được nghỉ hai ngày. Đây là ngày Tết Độc lập, cũng là dịp để người lao động có thêm thời gian tham gia các hoạt động kỷ niệm, chào mừng Quốc khánh 2/9. Nội dung này được cụ thể hóa tại Khoản 1 Điều 112 Bộ luật Lao động 2019 như sau:

Điều 112. Nghỉ lễ, tết

1. Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong những ngày lễ, tết sau đây:

- a) Tết Dương lịch 01 ngày (ngày 01 tháng 01 dương lịch);
- b) Tết Âm lịch 05 ngày;
- c) Ngày Chiến thắng 01 ngày (ngày 30 tháng 4 dương lịch);
- d) Ngày Quốc tế lao động 01 ngày (ngày 01 tháng 5 dương lịch);
- đ) Quốc khánh 02 ngày (ngày 02 tháng 9 dương lịch và 01 ngày liền kề trước hoặc sau);
- e) Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 01 ngày (ngày 10 tháng 3 âm lịch).

Như vậy, từ ngày 01/01/2021, CBCCVC và NLĐ sẽ được nghỉ tổng cộng 11 ngày nghỉ lễ, tết hàng năm, trong đó ngày Quốc khánh 2/9 sẽ được nghỉ 02 ngày (hiện nay chỉ được nghỉ 01 ngày nhân dịp này)

* Người lao động có thể đơn phương chấm dứt HĐLĐ mà không cần báo trước
Cụ thể, theo nội dung tại Bộ luật Lao động 2019, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động như sau: Ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn; Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng; Ít nhất 03 ngày làm việc nếu làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng, và đối với một số ngành nghề, công việc đặc thù thì thời hạn báo trước theo quy định của Chính phủ.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp sau đây NLĐ có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước:

- Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc theo thỏa thuận;
- Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn;
- Bị người sử dụng lao động ngược đãi, đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự; bị cưỡng bức lao động;
- Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc;
- Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật này;
- Đủ tuổi nghỉ hưu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

- Người sử dụng lao động cung cấp thông tin không trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Bộ luật này làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng lao động.

* Không còn hợp đồng lao động mùa vụ kể từ ngày 01/01/2021

Từ ngày Bộ luật Lao động 2019 có hiệu lực thi hành, hợp đồng lao động chỉ được giao kết theo một trong các loại sau:

- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng;

- Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.

Như vậy, Bộ luật Lao động 2019 đã bỏ loại hợp đồng lao động thời vụ ra khỏi các loại hợp đồng lao động mà NLD và NSDLĐ được phép ký kết, theo đó, từ ngày 01/01/2021 chỉ còn 02 loại hợp đồng lao động là HĐLĐ xác định thời hạn và HĐLĐ không xác định thời hạn.

* Thêm nhiều trường hợp NLD được nghỉ việc riêng và hưởng nguyên lương

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương và phải thông báo với người sử dụng lao động trong những trường hợp sau đây:

- Kết hôn: nghỉ 03 ngày;

- Con đẻ, con nuôi kết hôn: nghỉ 01 ngày;

- Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi chết: nghỉ 03 ngày.

Như vậy, có thể thấy Bộ luật Lao động 2019 đã bổ sung thêm 02 trường hợp người lao động được nghỉ việc riêng và hưởng nguyên lương, cụ thể là trường hợp bố nuôi chết và mẹ nuôi chết, đồng thời Bộ luật Lao động 2019 cũng quy định rõ hơn các trường hợp NLD được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương đã được quy định trước đó tại Bộ luật Lao động 2012 như: Con kết hôn sẽ gồm con đẻ và con nuôi kết hôn; bố vợ, mẹ vợ hoặc bố chồng, mẹ chồng chết sẽ bao gồm cả bố đẻ, mẹ đẻ hoặc bố nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con chết cũng sẽ bao gồm cả con đẻ hoặc con nuôi chết.

* Người sử dụng lao động không được ký hợp đồng lao động để trừ nợ

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, một trong những hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động là “Buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động”. Đây là quy định mới được bổ sung tại Bộ luật Lao động 2019 so với Bộ luật Lao động 2012, theo đó, từ ngày 01/01/2021, người sử dụng lao động sẽ không được yêu cầu người lao động ký kết hợp đồng lao động với mình để trả số tiền người lao động đang vay hay nói cách khác là để bù nợ.

* Thời gian nghỉ giữa giờ của NLD không được tính vào giờ làm việc

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, người lao động làm việc theo thời giờ làm việc bình thường từ 06 giờ trở lên trong ngày thì được nghỉ giữa giờ ít nhất 30 phút liên tục; trường hợp làm việc ban đêm được nghỉ giữa giờ ít nhất 45 phút liên tục và không tính vào giờ làm việc; trường hợp người lao động làm việc theo ca thì thời gian nghỉ giữa giờ được tính vào giờ làm việc. Như vậy, từ ngày 01/01/2021, thời gian nghỉ giữa giờ chỉ được tính vào giờ làm việc đối với những người lao động làm việc theo ca, còn đối với những người làm việc theo giờ bình thường thì sẽ không được tính.

Hiện nay, theo Bộ luật Lao động 2012 thì thời gian nghỉ giữa giờ đối với người làm việc theo giờ bình thường vẫn được tính vào thời giờ làm việc.

* Thêm nhiều hình thức đối thoại giữa NLD và doanh nghiệp từ năm 2021

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, việc đối thoại tại nơi làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động có thể được tổ chức theo các hình thức sau:

- Định kỳ ít nhất một năm một lần; (Hiện hành là định kỳ 03 tháng một lần)
- Khi có yêu cầu của một hoặc các bên; (Hiện hành là theo yêu cầu của một bên)
- Khi có vụ việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36; các điều 42, 44, 93, 104, 118 và khoản 1 Điều 128 của Bộ luật này. (Đây là hình thức mới được bổ sung tại Bộ luật Lao động 2019).

Bên cạnh đó, Bộ luật Lao động 2019 cũng khuyến khích người sử dụng lao động và người lao động tiến hành các hình thức đối thoại khác ngoài những trường hợp nêu trên.

Như vậy, có thể thấy so với Bộ luật Lao động 2012, Bộ Luật Lao động 2019 đã đa dạng hơn các hình thức tổ chức đối thoại giữa người lao động và người sử dụng lao động nhằm thuận tiện hơn cho các bên.

* Thêm nhiều trường hợp hợp đồng lao động bị chấm dứt

Bên cạnh các trường hợp hợp đồng lao động bị chấm dứt được quy định trước đó tại Bộ luật Lao động 2012 thì từ ngày 01/01/2021, hợp đồng lao động còn chấm dứt trong những trường hợp sau đây:

- Người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam bị trục xuất theo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Người sử dụng lao động không phải là cá nhân bị cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh ra thông báo không có người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật;
- Giấy phép lao động hết hiệu lực đối với người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Trường hợp thỏa thuận thử việc ghi trong hợp đồng lao động mà việc làm thử không đạt yêu cầu hoặc mỗi bên hủy bỏ thỏa thuận thử việc.

* Giới hạn thời gian học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động
Cụ thể, theo nội dung tại Bộ luật Lao động 2019, học nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để đào tạo nghề nghiệp tại nơi làm việc; thời gian học nghề theo chương trình đào tạo

của từng trình độ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để hướng dẫn thực hành công việc, tập làm nghề theo vị trí việc làm tại nơi làm việc; thời hạn tập nghề không quá 03 tháng.

So với quy định hiện nay tại Bộ luật Lao động 2012, Bộ luật Lao động 2019 đã bổ sung quy định về thời hạn học nghề, tập nghề của người lao động, theo đó, từ ngày 01/01/2021, thời gian tập nghề của NLD không quá 03 tháng còn thời gian học nghề theo chương trình đào tạo của từng trình độ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

* Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý cuộc đình công không đúng trình tự, thủ tục

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được thông báo về cuộc đình công không tuân theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về lao động, phối hợp với công đoàn cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp gặp gỡ người sử dụng lao động và đại diện ban lãnh đạo tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để nghe ý kiến và hỗ trợ các bên tìm biện pháp giải quyết, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại bình thường, cụ thể:

- Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì lập biên bản, tiến hành xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cá nhân, tổ chức đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đó theo quy định của pháp luật.

- Đối với các nội dung tranh chấp lao động thì tùy từng loại tranh chấp, hướng dẫn, hỗ trợ các bên tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp lao động theo quy định tại Bộ luật này.

Như vậy, so với nội dung hiện hành tại Bộ luật Lao động 2012 thì Bộ luật Lao động 2019 đã bổ sung thêm các phương án giải quyết cụ thể nhằm xử lý những cuộc đình công không đúng trình tự, thủ tục.

* Sửa đổi, bổ sung các trường hợp đình công bất hợp pháp

Cụ thể, Bộ luật Lao động 2019 đã bổ sung thêm 03 trường hợp đình công bất hợp pháp so với Bộ luật Lao động 2012 là: Cuộc đình công vi phạm các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành đình công; Không do tổ chức đại diện người lao động có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công; Không thuộc trường hợp được đình công theo quy định tại Điều 199 của Bộ luật này. Đồng thời, Bộ luật Lao động 2019 cũng đã bỏ 02 trường hợp đình công bất hợp pháp được quy định trước đó tại Bộ luật Lao động 2012, cụ thể:

- Không phát sinh từ tranh chấp lao động tập thể về lợi ích;

- Tổ chức cho những người lao động không cùng làm việc cho một người sử dụng lao động đình công;

- Khi vụ việc tranh chấp lao động tập thể chưa được cơ quan, tổ chức, cá nhân giải quyết theo quy định của Bộ luật Lao động.

* Doanh nghiệp phải thông báo bảng kê trả lương khi trả lương cho NLD

Đây là nội dung mới được bổ sung tại Bộ luật Lao động 2019 so với Bộ luật Lao động 2012. Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, mỗi lần trả lương, người sử dụng lao động phải thông báo bằng kê trả lương cho người lao động, trong đó ghi rõ tiền lương, tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, nội dung và số tiền bị khấu trừ (nếu có).

Về hình thức trả lương, người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận về hình thức trả lương theo thời gian, sản phẩm hoặc khoán. Lương được trả bằng tiền mặt hoặc trả qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng. Trường hợp trả lương qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng thì người sử dụng lao động phải trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.

* Hợp đồng lao động giữa các bên có nhiều thay đổi từ 01/01/2021

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về công việc phải làm, tiền lương, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động. Trường hợp hai bên thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên thì được coi là hợp đồng lao động.

Đồng thời, Bộ luật Lao động 2019 cũng quy định, hợp đồng lao động được giao kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị như hợp đồng lao động bằng văn bản. Các bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng, trừ trường hợp sử dụng người lao động là người dưới 15 tuổi và người giúp việc gia đình và giao kết HĐLĐ với người được ủy quyền của nhóm người lao động từ đủ 18 tuổi trở lên. (Theo quy định hiện hành thì các bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 03 tháng).

* Bổ sung quy định về thời gian thử việc đối với người lao động

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận căn cứ vào tính chất và mức độ phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc 01 lần đối với một công việc và bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Không quá 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;
- Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên;
- Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn kỹ thuật trung cấp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ;
- Không quá 6 ngày làm việc đối với công việc khác.

Như vậy, bên cạnh việc tiếp tục kế thừa các quy định về thời gian thử việc đối với người lao động tại Bộ luật Lao động 2012, Bộ luật Lao động 2019 đã bổ

sung thêm thời gian thử việc đối với người quản lý doanh nghiệp, theo đó, thời gian này sẽ không quá 180 ngày.

* Chính thức có định nghĩa về hành vi phân biệt đối xử trong lao động

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, phân biệt đối xử trong lao động là hành vi phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, dân tộc, giới tính, độ tuổi, tình trạng thai sản, tình trạng hôn nhân, tôn giáo, tín ngưỡng, chính kiến, khuyết tật, trách nhiệm gia đình hoặc trên cơ sở tình trạng nhiễm HIV hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có tác động làm ảnh hưởng đến bình đẳng về cơ hội việc làm hoặc nghề nghiệp. Việc phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên xuất phát từ yêu cầu đặc thù của công việc và các hành vi duy trì, bảo vệ việc làm cho những người lao động dễ bị tổn thương thì không bị xem là phân biệt đối xử.

Hiện nay, theo Bộ luật Lao động 2012 thì hành vi phân biệt đối xử trong lao động chỉ được quy định rải rác tại một số điều khoản với tư cách là một trong những hành vi bị nghiêm cấm mà chưa có một định nghĩa cụ thể.

* Đã có định nghĩa hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc

Cụ thể, theo Bộ luật Lao động 2019, quấy rối tình dục tại nơi làm việc là các hành vi có tính chất tình dục của bất kỳ người nào đối với người khác tại nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận. Nơi làm việc là bất kỳ nơi nào mà người lao động thực tế làm việc theo thỏa thuận hoặc phân công của người sử dụng lao động.

Hiện nay, tại Bộ luật lao động 2012 có nhắc tới hành vi quấy rối tình dục nhưng rải rác tại một số điều khoản với tư cách là một trong những hành vi bị nghiêm cấm và là một trong những căn cứ để người lao động thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn mà chưa có một định nghĩa cụ thể về hành vi này.

c. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Tổ chức Nhân Lực thực hiện nghiên cứu phục vụ công tác quản lý, tổ chức chỉ đạo thực hiện; Các đơn vị khác nghiên cứu và thực hiện theo quy định pháp luật mới về lao động.

2. Luật Đầu tư của Quốc hội, số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Luật Đầu tư số 67/2014/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2015/QH13, Luật số 03/2016/QH14, Luật số 04/2017/QH14, Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 42/2019/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ Điều 75 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH14.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

* Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài.

* Luật này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

* Luật này quy định các nội dung chính:

- Về bảo đảm đầu tư: Bảo đảm quyền sở hữu tài sản, Bảo đảm hoạt động đầu tư kinh doanh, Bảo đảm quyền sở hữu tài sản, Bảo đảm quyền chuyển tài sản của nhà đầu tư nước ngoài ra nước ngoài, Bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật, Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh

- Về ưu đãi hỗ trợ đầu tư: Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư, Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm, Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng, Ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư; Hình thức hỗ trợ đầu tư, Các hình thức hỗ trợ đầu tư, Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt.

- Hoạt động đầu tư tại Việt Nam: Hình thức đầu tư, Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, Thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, Hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, Thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC, Nội dung hợp đồng BCC.

- Chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư: Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư, Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Thủ tục cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Điều chỉnh dự án đầu tư.

- Triển khai thực hiện dự án đầu tư: Nguyên tắc thực hiện dự án đầu tư, Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư, Xác định giá trị vốn đầu tư; giám định giá trị vốn đầu tư; giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ, Chuyển nhượng dự án đầu tư, Ngừng hoạt động của dự án đầu tư, Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài: Nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài, Hình thức đầu tư ra nước ngoài, Ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài, Ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện, Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài.
- Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài: Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội, Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định đầu tư ra nước ngoài.
- Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.
- Triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài: Mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài, Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, Sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài, Chuyển lợi nhuận về nước.

Những điểm mới của Luật này:

+ Chính thức cấm kinh doanh dịch vụ đòi nợ (Điều 6)

Từ ngày 01/01/2021, cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:

- Kinh doanh dịch vụ đòi nợ (quy định mới);
- Kinh doanh các chất ma túy quy định tại Phụ lục I Luật Đầu tư 2020;
- Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục II Luật Đầu tư 2020;
- Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục III Luật Đầu tư 2020;
- Kinh doanh mại dâm;
- Mua, bán người, mô, xác, bộ phận cơ thể người, bào thai người (bổ sung việc cấm mua, bán xác, bào thai người);
- Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người;
- Kinh doanh pháo nổ.

Như vậy, từ ngày 01/01/2021, chính thức cấm tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ đòi nợ.

+ Số lượng ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện giảm còn 227

Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hiện nay được áp dụng theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư 2014, bao gồm 243 ngành, nghề.

Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2021 thì số lượng này sẽ được giảm xuống còn 227 ngành nghề theo Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư 2020.

+ Bổ sung nhiều ngành, nghề ưu đãi đầu tư (Khoản 1 Điều 16)

Luật Đầu tư 2020 bổ sung một số ngành, nghề ưu đãi đầu tư so với hiện nay, gồm:

- Giáo dục đại học;
- Sản xuất các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;
- Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;
- Bảo quản thuốc, sản xuất trang thiết bị y tế;
- Sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ tạo ra hoặc tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành.

+ Điểm mới về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt (Điều 20)

Theo đó, việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quyết định và được áp dụng đối với các đối tượng sau đây

- Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

Mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt: Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật

về đất đai. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Luật Đầu tư 2020.

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt trên không áp dụng đối với các trường
+ Sẽ ban hành Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐT nước ngoài (Điều 9)

Cơ bản NĐT nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với NĐT trong nước;

Tuy nhiên, trường hợp căn cứ luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ công bố Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐT nước ngoài, bao gồm:

- Ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường;
- Ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện.

Do đó, trong thời gian sắp tới Chính phủ sẽ ban hành Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐT nước ngoài để áp dụng khi Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực thi hành.

+ Điều kiện thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam của NĐT nước ngoài (Điều 22)

NĐT nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với NĐT nước ngoài được quy định tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐT nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của NĐT nước ngoài trong tổ chức kinh tế;
- Hình thức đầu tư;
- Phạm vi hoạt động đầu tư;
- Năng lực của NĐT; đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư;
- Điều kiện khác theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Ngoài ra, trước khi thành lập tổ chức kinh tế, NĐT nước ngoài phải có dự án đầu tư, thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trừ trường hợp thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Điểm mới về tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của NĐT nước ngoài trong tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đầu tư (Điều 23)

Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với NĐT nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC nếu tổ chức kinh tế đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh (*hiện hành quy định là từ 51% vốn điều lệ trở lên*);
- Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (*hiện hành quy định là từ 51% vốn điều lệ trở lên*);
- Có NĐT nước ngoài và tổ chức kinh tế có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (*hiện hành quy định là từ 51% vốn điều lệ trở lên*).

+ Điều kiện để NĐT nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế tại Việt Nam (Điều 24)

NĐT nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khi đáp ứng đủ các quy định, điều kiện sau đây:

- Điều kiện tiếp cận thị trường đối với NĐT nước ngoài quy định tại Điều 9 của Luật Đầu tư 2020;
- Bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Đầu tư 2020;
- Quy định của pháp luật về đất đai về điều kiện nhận quyền sử dụng đất, điều kiện sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới, xã, phường, thị trấn ven biển.

+ Chỉ còn 4 trường hợp NĐT không phải ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (Điều 43)

NĐT phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ các trường hợp sau đây:

- NĐT trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;
- NĐT trúng đấu thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

- NĐT được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án đầu tư đã thực hiện ký quỹ hoặc đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn theo tiến độ quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- NĐT được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác.

+ Thêm nhiều đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư (Điều 15)

So với quy định hiện nay, Luật Đầu tư 2020 đã bổ sung thêm nhiều đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư.

Cụ thể, các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư từ ngày 01/01/2021 sẽ bao gồm:

- Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư 2020;

- Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư 2020;

- Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động;

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; dự án đầu tư sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

- Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

- Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo

doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Các ngành nghề cấm đầu tư ra nước ngoài (Điều 53)

Từ 01/01/2021, các NĐT Việt Nam khi đầu tư ra nước ngoài, không được đầu tư kinh doanh vào các ngành nghề sau:

- 08 ngành, nghề bị cấm đầu tư kinh doanh tại Mục 1. kể trên và các điều ước quốc tế có liên quan.
- Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.
- Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

+ Các ngành nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện (Điều 54)

Từ 01/01/2021, các NĐT Việt Nam khi đầu tư vào các ngành, nghề sau đây ở nước ngoài phải đáp ứng những điều kiện nhất định theo pháp luật:

- Ngân hàng;
- Bảo hiểm;
- Chứng khoán;
- Báo chí, phát thanh, truyền hình;
- Kinh doanh bất động sản.

Điều kiện đầu tư ra nước ngoài được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế về đầu tư mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

c. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Kế hoạch Đầu tư, Ban Phát triển Thị trường, Ban Kế toán Tài chính thực hiện nghiên cứu phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ; Các đơn vị khác nghiên cứu đề biết.

3. Luật Doanh nghiệp của Quốc hội, số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

* Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty.

* Luật này áp dụng đối với: Doanh nghiệp; Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

Những điểm mới của Luật này:

* Bỏ quy định về thông báo mẫu dấu doanh nghiệp trước khi sử dụng

Theo đó, Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về con dấu của doanh nghiệp như sau:

- Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Doanh nghiệp quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp.

- Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty hoặc quy chế do doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của doanh nghiệp có dấu ban hành. Doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

Như vậy, so với quy định về con dấu tại Luật Doanh nghiệp 2014 thì Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định “Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.

* Thêm đối tượng không được thành lập doanh nghiệp

Cụ thể, Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung thêm nhiều đối tượng không được phép thành lập, quản lý doanh nghiệp, gồm:

- Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

- Công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam (trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp);

- Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

* Rút ngắn thời gian báo trước khi tạm ngừng kinh doanh từ 2021

Khoản 1 Điều 200 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Doanh nghiệp có quyền tạm ngừng kinh doanh nhưng phải thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh **chậm nhất 15 ngày** trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh. Quy định này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp 2020 đã rút ngắn thời gian báo trước khi tạm ngừng kinh doanh. Cụ thể: Doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh **chậm nhất là 03 ngày làm việc** trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

Như vậy, thời gian báo trước khi tạm ngừng kinh doanh được rút ngắn từ chậm nhất 15 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

* Bổ sung hồ sơ đăng ký công ty TNHH, công ty CP

So với Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Doanh nghiệp 2020 yêu cầu hồ sơ đăng ký công ty TNHH (Điều 21), công ty CP (Điều 22) phải có *bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật*, tương tự như thành viên công ty TNHH và cổ đông sáng lập công ty CP.

* Bổ sung quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết

So với Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết như sau:

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

Chính phủ quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết.

* Quy định loại trừ trường hợp giải thể do bị thu hồi GCN đăng ký doanh nghiệp

Điều d khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: “Doanh nghiệp bị giải thể trong trường hợp bị thu hồi GCN đăng ký doanh nghiệp, *trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.*”

Quy định này bảo đảm tính đồng bộ với quy định của Luật Quản lý thuế.

* Thay đổi khái niệm doanh nghiệp nhà nước

Khái niệm doanh nghiệp nhà nước theo khoản 11 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 Luật này.

(Còn theo Luật Doanh nghiệp 2014, doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ)

* Doanh nghiệp nhà nước phải thành lập Ban Kiểm soát

Theo khoản 1 Điều 103 Luật Doanh nghiệp 2020: Căn cứ quy mô của công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban kiểm soát.

(Hiện hành, theo Luật Doanh nghiệp 2014: bổ nhiệm 01 Kiểm soát viên hoặc thành lập Ban kiểm soát gồm 03 đến 05 Kiểm soát viên).

Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại công ty đó. *Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.*

* Sửa đổi quy định xử lý phần vốn góp trong một số trường hợp đặc biệt

Cụ thể, so với quy định hiện hành, việc xử lý phần vốn góp trong một số trường hợp đặc biệt được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Trường hợp thành viên bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, *có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi* thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong công ty được thực hiện thông qua người đại diện. (Hiện hành, được thực hiện thông qua người giám hộ).

- Trường hợp thành viên tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác thì người được tặng cho trở thành thành viên công ty theo quy định sau đây:

+ Người được tặng cho *thuộc đối tượng thừa kế theo pháp luật theo quy định của Bộ luật Dân sự* thì người này đương nhiên là thành viên công ty; (Hiện hành, là vợ, chồng, cha, mẹ, con, người có quan hệ họ hàng đến hàng thừa kế thứ ba...)

+ Người được tặng cho không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 53 thì người này chỉ trở thành thành viên công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

- Bổ sung: *Trường hợp thành viên công ty là cá nhân bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì thành viên đó ủy quyền cho người khác thực hiện một số hoặc tất cả quyền và nghĩa vụ của mình tại công ty.*

- Bổ sung: *Trường hợp thành viên công ty là cá nhân bị Tòa án cấm hành nghề, làm công việc nhất định hoặc thành viên công ty là pháp nhân thương mại bị Tòa án cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định thuộc*

phạm vi ngành, nghề kinh doanh của công ty thì thành viên đó không được hành nghề, làm công việc đã bị cấm tại công ty đó hoặc công ty tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề có liên quan theo quyết định của Tòa án.

*** Sửa quy định về quyền của cổ đông phổ thông**

Hiện hành, Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên *trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng* hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty để có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật này.

Tuy nhiên, theo Luật Doanh nghiệp 2020, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật này.

*** DNTN có thể chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh**

Theo Điều 205 Luật Doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty CP hoặc công ty hợp danh theo quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Doanh nghiệp được chuyển đổi phải có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này;
- Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;
- Chủ doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;
- Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.

Hiện hành, Luật Doanh nghiệp 2014 chỉ quy định trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH.

*** Bỏ quy định "Báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp"**

Hiện hành, Luật Doanh nghiệp 2014 quy định doanh nghiệp phải báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có thay đổi thông tin về họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân của những người sau đây: Thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty

cổ phần; Thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp 2020 đã bãi bỏ quy định này.

*** Bổ sung thêm nghĩa vụ của cổ đông**

Theo đó, bên cạnh việc kế thừa quy định về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung thêm nội dung sau:

"Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác."

*** Bổ sung trách nhiệm của người quản lý công ty cổ phần**

So với quy định hiện hành, Luật Doanh nghiệp 2020, bổ sung thêm trách nhiệm của người quản lý công ty cổ phần như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020 chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

*** Thêm trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp danh**

Theo khoản 1 Điều 185 Luật Doanh nghiệp 2020, thành viên hợp danh bị chấm dứt tư cách trong trường hợp sau đây:

- Tự nguyện rút vốn khỏi công ty;
- Chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, *có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*;
- Bị khai trừ khỏi công ty;
- *Chấp hành hành phạt tù hoặc bị Tòa án cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo quy định của pháp luật*;
- Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

So với Luật Doanh nghiệp 2014, thêm trường hợp "có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi" và "chấp hành hành phạt tù hoặc bị Tòa án cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo quy định của pháp luật".

*** Bổ sung quy định "thực hiện quyền của chủ doanh nghiệp tư nhân trong một số trường hợp đặc biệt"**

So với quy định hiện hành, Luật Doanh nghiệp 2020, bổ sung quy định "thực hiện quyền của chủ doanh nghiệp tư nhân trong một số trường hợp đặc biệt" như sau:

- Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
- Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết thì người thừa kế hoặc một trong những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ doanh nghiệp tư nhân theo thỏa thuận giữa những người thừa kế. Trường hợp những người thừa kế không thỏa thuận được thì đăng ký chuyển đổi thành công ty hoặc giải thể doanh nghiệp tư nhân đó.
- Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.
- Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp tư nhân được thực hiện thông qua người đại diện.
- Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân bị Tòa án cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thuộc phạm vi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp thì chủ doanh nghiệp tư nhân tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề có liên quan theo quyết định của Tòa án hoặc chuyển nhượng doanh nghiệp tư nhân cho cá nhân, tổ chức khác.

c. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Kế hoạch Đầu tư, Ban Kế toán Tài chính thực hiện nghiên cứu phục vụ công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ; VNPT Vinaphone, VNPT Media, Các đơn vị khác nghiên cứu để biết.

4. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư của Quốc hội, số 64/2020/QH14

Luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

- * Luật này quy định về hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư; quản lý nhà nước, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
- * Luật này áp dụng đối với các bên trong hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
- * Luật này quy định một số nội dung chính: Lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân

loại dự án PPP, Cơ quan có thẩm quyền và cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP, Hội đồng thẩm định dự án PPP, Nguyên tắc quản lý đầu tư theo phương thức PPP, Nội dung quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP, Công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP, Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP, Quy trình dự án PPP

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Kế hoạch Đầu tư, Ban Kế toán Tài chính thực hiện nghiên cứu phục vụ công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ; VNPT Vinaphone, VNPT Media, Các đơn vị khác nghiên cứu để biết.

5. Nghị định 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu
nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

* Nghị định này quy định chi tiết Điều 169 của Bộ luật Lao động về tuổi nghỉ hưu.

* Nghị định áp dụng đối với: Người lao động và người sử dụng lao động quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 của Bộ luật Lao động; Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến bảo hiểm xã hội.

* Nghị định này quy định về: Thời điểm nghỉ hưu và thời điểm hưởng chế độ hưu trí, Tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường, Nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường, Nghỉ hưu ở tuổi cao hơn tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Tổ chức Nhân Lực thực hiện nghiên cứu phục vụ công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ; VNPT Vinaphone, VNPT Media, Các đơn vị khác nghiên cứu để biết và thực hiện.

6. Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2021 và thay thế Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi là Nghị định số 79/2014/NĐ-CP).

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động

sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

* Nghị định này quy định về hoạt động phòng cháy và chữa cháy, tổ chức lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy, kinh phí bảo đảm cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

* Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Văn phòng Tập đoàn thực hiện nghiên cứu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo các đơn vị thực hiện; VNPT Vinaphone, VNPT Media, Các đơn vị khác nghiên cứu để biết và thực hiện.

7. Thông tư 26/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

* Thông tư này quy định việc áp dụng các tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông.

* Thông tư này áp dụng đối với:

1. Doanh nghiệp sản xuất, phân phối sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông, bao gồm phần cứng, phần mềm và nội dung thông tin số.

2. Cơ quan nhà nước, bao gồm Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước để thiết kế và xây dựng Trang thông tin điện tử/Cổng thông tin điện tử/Cổng Dịch vụ công.

3. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình; cơ quan báo chí có Trang thông tin điện tử/báo điện tử.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ công, dịch vụ hành chính công.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Công nghệ, VNPT IT và các đơn vị khác nghiên cứu để biết và thực hiện.

8. Thông tư 37/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy LƯU HÀNH NỘI BỘ

hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần 470-694 MHz

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

* Thông tư này quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần 470-694 MHz tại Việt Nam.

* Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng thiết bị vô tuyến điện tại Việt Nam.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Công nghệ, VNPT Net và các đơn vị khác nghiên cứu để biết và thực hiện.

9. Thông tư 94/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 307/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 307/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Kế toán Tài chính, VNPT-Net, VNPT-Media và các đơn vị khác nghiên cứu để biết / thực hiện.

10. Thông tư 103/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2021.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:**Bãi bỏ toàn bộ 21 văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế**

1. Thông tư số 60A-TC/TCT ngày 01/09/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi Thông tư số 30/TC-TCT ngày 23/05/1991 hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với ngành khai thác thủy sản và Thông tư số 69-TC/TCT ngày 27/11/1991 hướng dẫn việc chuyển chế độ thu tiền nuôi rừng sang thu thuế tài nguyên đối với khai thác sản phẩm rừng tự nhiên;

2. Thông tư số 109/1998/TT-BTC ngày 31/07/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung quy định về giảm thuế tiêu thụ đặc biệt;
3. Thông tư số 191/1998/TT-BTC ngày 31/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng cơ bản, sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp;
4. Thông tư số 100/1999/TT-BTC ngày 19/08/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đại lý xổ số kiến thiết và việc sử dụng hoá đơn, chứng từ đối với hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết;
5. Thông tư số 24/2000/TT-BTC ngày 30/03/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 08/2000/QĐ-TTg ngày 17/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hộ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ;
6. Thông tư số 86/2001/TT-BTC ngày 29/10/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với thuốc lá điều xuất khẩu;
7. Thông tư số 03/2002/TT-BTC ngày 14/01/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với các cơ sở hoạt động khai thác thủy sản;
8. Thông tư số 69/2002/TT-BTC ngày 16/08/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 41/2002/QĐ-TTg ngày 18/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chống thất thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp qua giá bán trong hoạt động kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy;
9. Thông tư số 53/2003/TT-BTC ngày 02/06/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chế độ thuế đối với Văn phòng luật sư, Công ty hợp danh;
10. Thông tư số 26/2004/TT-BTC ngày 31/03/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài và hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp tái đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài;
11. Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán;
12. Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 21/09/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thí điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự khai, tự nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo Quyết định số 161/2005/QĐ-TTg ngày 30/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ;
13. Thông tư số 41/2006/TT-BTC ngày 12/05/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 161/2005/QĐ-TTg ngày 30/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng thí điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự kê khai, tự nộp thuế nhà đất, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và thuế môn bài;
14. Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực

vực chứng khoán;

15. Thông tư số 82/2006/TT-BTC ngày 13/09/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

16. Thông tư số 77/2008/TT-BTC ngày 15/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số biện pháp xử lý nợ đọng thuế;

17. Thông tư số 38/2010/TT-BTC ngày 19/03/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;

18. Thông tư số 96/2011/TT-BTC ngày 04/07/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách tài chính quy định tại Quyết định 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ;

19. Thông tư số 199/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu mà bị chấm dứt ưu đãi theo cam kết WTO;

20. Quyết định số 187/2003/QĐ-BTC ngày 14/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Biên lai thuế môn bài;

21. Quyết định số 44/2007/QĐ-BTC ngày 04/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc dừng hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá điều sản xuất trong nước có nhãn mác nước ngoài xuất khẩu.

Bãi bỏ toàn bộ 06 văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý tài sản công

1. Thông tư số 35/2001/TT-BTC ngày 25/05/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc nộp tiền thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước;

2. Thông tư số 41/2003/TT-BTC ngày 06/05/2003 của Bộ Tài chính về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại Tây Nguyên;

3. Thông tư số 83/2004/TT-BTC ngày 17/08/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quản lý trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

4. Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/04/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 của Chính phủ về xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

5. Thông tư số 192/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thí điểm việc nộp tiền sử dụng đất đối với dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;

6. Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/01/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Bãi bỏ toàn bộ 02 Thông tư trong lĩnh vực quản lý nợ công

1. Thông tư số 110/2009/TT-BTC ngày 29/05/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn IFAD;

2. Thông tư số 193/2011/TT-BTC ngày 23/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính, giải ngân đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn Quỹ OPEC về Phát triển quốc tế (OFID).

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Kế toán Tài chính và các đơn vị khác nghiên cứu đề biết / thực hiện.

11. Thông tư 13/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Thông tư này hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng; Thông tư này áp dụng đối với người sử dụng lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Tổ chức Nhân Lực thực hiện nghiên cứu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo các đơn vị thực hiện; các đơn vị khác nghiên cứu đề biết / thực hiện.

12. Thông tư 105/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về đăng ký thuế

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2021.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động

LUU HÀNH NỘI BỘ

sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

* Thông tư này quy định chi tiết về đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế; cấu trúc mã số thuế; hồ sơ, thủ tục, mẫu biểu đăng ký thuế (bao gồm đăng ký thuế lần đầu; cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế; thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; chấm dứt hiệu lực mã số thuế; khôi phục mã số thuế; đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp, tổ chức) theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 30, Điều 31, 34, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Quản lý thuế.

* Đối tượng áp dụng quy định tại Thông tư này bao gồm: Người nộp thuế; cơ quan quản lý thuế; công chức quản lý thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định tại Điều 2 Luật Quản lý thuế.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

* Trưởng các đơn vị: Ban Kế toán Tài chính thực hiện nghiên cứu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo các đơn vị thực hiện; các đơn vị khác nghiên cứu đề biết /thực hiện.

Lưu ý:

Bản tin tóm tắt nội dung văn bản chỉ mang tính tổng hợp, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, cần tìm đọc nội dung chi tiết toàn văn văn bản.

Phần 2: Các dự thảo VBPL của Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý.

STT	Tên dự thảo VBQPPL	Thời gian lấy ý kiến	Trách nhiệm nghiên cứu, xem xét có ý kiến
1.	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, ban hành theo Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Ngày bắt đầu 02/12/2020 Ngày hết hạn 02/02/2021	Ban Công nghệ, Ban Chất lượng, VNPT-Net và các đơn vị liên quan.
2.	Dự thảo Thông tư Quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện	Ngày bắt đầu 26/11/2020 Ngày hết hạn 26/01/2021	Ban Công nghệ, Ban Chất lượng VNPT-Net và các đơn vị liên quan.

Nếu đơn vị/cá nhân có ý kiến góp ý cho các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin truy cập trang thông tin điện tử của Bộ Thông Tin và Truyền thông để xem thông tin chi tiết và tham gia ý kiến; hoặc gửi ý kiến về Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (thanhmai@vnpt.vn) để tổng hợp.

Phần 3: Các quy định của Tập đoàn ban hành trong tháng 12/2020.

1. Quy trình cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VNPT-CA ban hành kèm theo Quyết định số 1595/QĐ-VNPT-CLG ngày 22/12/2020 (Số EOffice: 1008837).

2. Quy định quản lý và sử dụng “Hệ thống Quản lý tuyển dụng VNPT” ban hành kèm theo Quyết định số 1449/QĐ-VNPT-TCNL ngày 02/12/2020 (Số EOffice: 955087).

Các đơn vị/cá nhân trong phạm vi chuyên môn nghiệp vụ của mình, có trách nhiệm nghiên cứu và chấp hành các quy định trên của Tập đoàn (khai thác văn bản từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Tập đoàn).